

ĐÓNG GÓP CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC CHO CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ QUA LÝ LUẬN CÁCH MẠNG ĐÔNG DƯƠNG

TRẦN HỒNG LƯU*

Trên hành trình tìm đường cứu nước, cứu dân thoát khỏi nô lệ, áp bức, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không chỉ đau đáu đến dân tộc Việt Nam mà luôn vì phong trào cách mạng ở phương Đông. Và đây cũng chính là một phần độc đáo trong tư tưởng của Người, góp phần bổ sung, phát triển chủ nghĩa duy vật lịch sử trong các vấn đề: điều kiện, thời cơ cách mạng, về giai cấp và đấu tranh giai cấp, tinh thần quốc tế vô sản... ngày càng hoàn thiện hơn, đúng với tinh thần chủ nghĩa duy vật biện chứng về lịch sử.

Từ khóa: Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, phong trào cách mạng, Đông Dương, thời cơ cách mạng, giai cấp và đấu tranh giai cấp

Nhận bài ngày: 29/3/2021; đưa vào biên tập: 30/3/2021; phản biện: 15/4/2021; duyệt đăng: 05/5/2021

1. MỞ ĐẦU

Từ rất sớm trên hành trình cứu nước giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã sớm ý thức về việc tìm ra con đường giải phóng nhân dân ta khỏi vòng áp bức, nô lệ. Qua hoạt động thực tiễn và lý luận, Người đã đúc rút được nhiều ý tưởng sâu sắc về phong trào cách mạng ở Đông Dương, cụ thể về các vấn đề thời cơ,

tình thế, điều kiện bùng nổ cách mạng, khả năng cách mạng, yếu tố khách quan và chủ quan của sự bùng nổ cách mạng, động lực dân tộc, tinh thần quốc tế vô sản. Đặc biệt, qua nghiên cứu và đối chiếu lý luận cách mạng và chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa quốc tế vô sản, Người đã phát hiện ra sự khác biệt về thực tiễn của phong trào cách mạng mà chủ nghĩa Mác - Lênin nêu ra với thực tiễn cụ thể ở phương Đông, cụ thể là Đông Dương; từ đó Người đã đưa ra những

* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

đề xuất nhằm bổ sung cho học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác. Có thể xem những vấn đề được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh nêu ra là những đóng góp to lớn cho lý luận cách mạng mácxít nói chung và chủ nghĩa duy vật lịch sử nói riêng.

2. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH VỀ CÁC VẤN ĐỀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ TRONG LÝ LUẬN VỀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐÔNG DƯƠNG

Ngay trong bài viết vào tháng 4/1921, Nguyễn Ái Quốc đã mô tả về người Đông Dương và ý chí, tinh thần cùng với khả năng bùng nổ cách mạng: “Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, [...]. Không: người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương. Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ. [...]. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm,

khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 28).

Đó là niềm tin lạc quan cách mạng về những phẩm chất tốt đẹp của người Đông Dương, về sức sống bền bỉ của con người trong xứ sở này với môi trường giáo dục đặc thù đã tôi luyện họ. Là sự sôi sục ẩn giấu sau đó sự bùng nổ phong trào cách mạng, giải phóng dân tộc khi thời cơ đến.

Không dừng ở đó, Người phân tích rõ hơn thực trạng của những người trẻ tuổi ở xứ này - những chủ nhân tương lai của phong trào cách mạng, những người lao động khéo léo và cần cù... nhưng thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức một cách tỉ mỉ và sâu sắc bằng lối viết cảm thán, có sức lay động lòng người: “Ở Đông Dương, chúng ta có đủ tất cả những cái mà một dân tộc có thể mong muốn như: hải cảng, hầm mỏ, đồng ruộng mênh mông, rừng rú bao la; chúng ta có những người lao động khéo léo và cần cù.

Nhưng chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức! Bởi thế công nghiệp và thương nghiệp của chúng ta là một con số không. Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi!

Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 2: 132-133), nếu lớp thanh niên “già cỗi của Người không sớm hồi sinh” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 2: 133).

Đó chính là lời kêu gọi tha thiết của Nguyễn Ái Quốc đối với thanh niên Đông Dương sau khi nêu lên những gương sáng của thanh niên tiến bộ ở Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, với khát vọng phục hưng đất nước trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Hơn thế, đó cũng chính là lời động viên, khuyến khích nhân tố chủ quan đang ẩn chứa trong lớp trẻ tại xứ sở này.

Từ thực trạng các nước Đông Dương, Người phân tích về khả năng bùng nổ cách mạng không tránh khỏi ở Đông Dương: “Dù bọn xã hội đế quốc chủ nghĩa có đề phòng như thế nào đi nữa, thì nạn nghèo khổ và sự bóc lột vẫn cứ thúc đẩy người dân Đông Dương làm cách mạng, để đập đổ ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc Pháp” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 2: 345). Người coi nạn nghèo khổ và sự bóc lột nặng nề của đế quốc Pháp chính là chất xúc tác trực tiếp để người Đông Dương vùng lên để tự giải phóng.

Hơn thế, Hồ Chí Minh còn khẳng định nguyên nhân sâu xa tất yếu dẫn đến sự bùng nổ cách mạng, đó là: “Sự bóc lột vô nhân đạo của chủ nghĩa tư bản ở thuộc địa làm cho những người công nhân sống trong những điều kiện không chịu nổi. Sự tập trung rất lớn các đất đai vào tay người Pháp và giai cấp địa chủ bản xứ khiến cho tình

cảnh của trung nông và bản nông tồi tệ đi. Sự mất mùa liên tiếp và giá sinh hoạt cao gia tăng sự khốn cùng và sự đau khổ của quần chúng lao động. Tất cả điều này khơi sâu thêm mâu thuẫn giữa những kẻ áp bức và bóc lột với người bị áp bức và bị bóc lột, và làm cho tinh thần đấu tranh của những người sau này sâu sắc” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 3: 55). Mâu thuẫn đó ngày càng gia tăng thêm, thúc đẩy tình thế cách mạng và khả năng bùng nổ cách mạng ngày càng bức thiết hơn.

Vẫn trong bài *Đông Dương*, Người đã mô tả rất rõ tình cảnh của người dân xứ này - những người sẽ trực tiếp làm nên cuộc cách mạng trong tương lai, đó là khi: “Người Pháp đến đã làm đổi thay tất cả. Đời sống càng ngày càng khó khăn. Thuế má nặng nề, phu dịch thường xuyên. Các gia đình khá giả nay bị sa sút không còn có thể nuôi thầy đồ dạy học cho con cái mình và con cái những người láng giềng như xưa nữa. Những kẻ nghèo đói thì bị bần cùng, nên họ phải chống đối đã rồi mới có thể nghĩ đến chuyện học hành” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 398).

Người đã chỉ ra phong trào yêu nước của nhân dân bằng việc điểm nhanh các sự kiện từ khi Pháp xâm lược nước ta, để kích lệ truyền thống yêu nước của nhân dân: “Mặc dầu bọn vua chúa ươn hèn, mặc dầu địch đang chiếm ưu thế và mặc dầu chế độ quân chủ đã làm cho dân chúng quen lạnh nhạt, bàng quan, dân chúng cũng không thể chịu ách ngoại bang mà

không bền bỉ chống lại. Lúc mới thấy các tàu chiến lớn và súng ống tinh xảo thì ngạc nhiên, nhưng khi cảm giác đầu tiên ấy đã qua thì những người yêu nước An Nam liền tổ chức đấu tranh. Cuộc xâm chiếm Đông Dương bắt đầu từ năm 1858 mãi đến 1909 mới kết thúc. Chính trong thời kỳ này, khi nhà ái quốc Đê Thám chết thì công cuộc chống Pháp có tổ chức và có vũ trang chấm dứt. Người anh hùng dân tộc ấy cùng với một ít nghĩa quân kiên quyết của ông đã chiếm lĩnh cả một tỉnh nhỏ và đương đầu với thực dân Pháp trong nhiều năm. Trong thời kỳ chiến tranh ở Châu Âu, nhiều cuộc bạo động đã nổ ra nhưng lại bị dẹp tắt ngay trong biển máu. Trong số các cuộc khởi nghĩa đó, cần chú ý đến cuộc nổi dậy của binh lính An Nam - binh lính sắp được đem sang Pháp - do ông vua trẻ Duy Tân tổ chức. Sau khi âm mưu bại lộ, vua Duy Tân bị phế và đày sang Châu Phi. Trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng của một dân tộc bị áp bức có nhiều hành động oanh liệt và nhiều sự hy sinh lớn, giá kể được ở đây để các bạn biết thì hay lắm, nhưng không thể nói hết được trong phạm vi nhỏ hẹp của buổi nói chuyện này của chúng ta” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 412).

Đặc biệt, trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người đã nêu lên thực trạng và khả năng làm cách mạng của nhân dân Đông Dương (còn ở tình trạng tự phát, thiếu tổ chức, thiếu đường lối lý luận dẫn đường), đó là: những công nhân bản xứ khốn khổ,

thường là rất ngoan ngoãn, dễ sai, dễ bảo, không được giáo dục về tổ chức, đã đi đến chỗ phải tập hợp nhau lại - do bản năng tự vệ, nếu có thể nói như thế - và đấu tranh chống những đòi hỏi tàn bạo của chủ. Người kêu gọi những người lao động ở chính quốc hãy giúp đỡ họ cả về lý luận cách mạng và cách thức tổ chức phong trào cách mạng, vì “Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại và chúng ta đừng quên rằng bốn phận của chúng ta - những người lao động ở chính quốc - không phải chỉ tổ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đây bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 2: 114).

Hơn thế, Người đã sớm nhận thức được “cái mà dân tộc cần trước tiên chưa phải là súng đạn, của cải mà là cách đuổi giặc, cứu nước, là làm cách mạng, hay nói cách khác là lý luận cách mạng và phương pháp cách mạng” (dẫn theo Phạm Xanh, 1990: 17). Người chỉ ra đó là cái thiết yếu mà giai cấp vô sản các nước đi trước cần phải giúp đỡ phong trào cách mạng ở Đông Dương.

Khi nói về đặc điểm giai cấp các nước thuộc địa nói chung và Đông Dương nói riêng, một lần nữa Nguyễn Ái Quốc đã phân tích sự thiếu hụt về lý luận của các phong trào: “... ở cái xứ Đông Dương già cổ kia cũng như ở xứ Đahômây trẻ trung này, người ta

không hiểu đấu tranh giai cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì cả, vì một lẽ đơn giản là ở đó không có nền kinh doanh lớn về thương nghiệp hay công nghiệp, cũng không có tổ chức công nhân” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 63).

Từ những đặc điểm đặc thù ở chính nơi đây, Người phát hiện ra những yếu tố chưa đầy đủ của học thuyết Mác về vấn đề giai cấp và thấy cần thiết phải bổ sung thêm về cơ sở lịch sử các nước phương Đông nhằm hoàn chỉnh học thuyết này.

Cụ thể hơn về tình hình An Nam thuộc Đông Dương, theo một tài liệu trên báo *Cứu quốc* số 292, ngày 15/7/1946, trong một cuộc trao đổi chính trị lúc 21 giờ ngày 19/12/1919, tại nhà luật sư Phan Văn Trường, ở Paris, Nguyễn Ái Quốc đã nói: “Từ 60 năm qua dân An Nam đã chờ đợi sự thay đổi... Nếu trong dân có mấy người lên tiếng để làm cho nhà cầm quyền cấp trên biết các điều khẩn cầu và tình cảnh khốn đốn của họ để yêu cầu các biện pháp khắc phục thì người ta trả lời họ bằng lao tù, lưu đầy, án tử hình... Nếu ta chỉ trông chờ vào lòng tốt của chính phủ Pháp để thay đổi tình trạng hiện nay thì phải trông đợi không biết đến bao giờ... Họ không muốn coi ta là giống người. Sống bị nhục mạ và bạc đãi trên trái đất này thì thật vô ích. Hễ người ta còn tước đoạt của chúng ta các công quyền và quyền chính trị thì người ta sẽ còn coi chúng ta như những kẻ thù, như những nô lệ” (trang 2).

Trên báo *Đông Dương* (tháng 5/1921), Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên khả năng các nước này có thể chiến thắng thực dân và cả khả năng áp dụng thành công chủ nghĩa cộng sản ở xứ sở này. Khi “xét những lý do lịch sử cho phép”, Người tin “chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào Châu Á dễ dàng hơn là ở Châu Âu”. Sau khi phân tích cặn kẽ lịch sử các nước phương Đông, Châu Á và Việt Nam từ thời thượng cổ với đặc thù của tư tưởng Khổng - Mạnh, Người chỉ rõ: “Cái thiếu đối với chúng tôi, mà trách nhiệm của chúng tôi phải nói lên ở đây để những đồng chí của chúng ta có nhiệt tình truyền bá chủ nghĩa cộng sản và thực tâm muốn giúp đỡ những người lao động lật đổ ách của những kẻ bóc lột và đi vào gia đình chung của giai cấp vô sản quốc tế, để cho những đồng chí đó có thể giúp đỡ chúng tôi một cách có hiệu quả. Cái mà chúng tôi thiếu để trở thành cộng sản, là những điều kiện cơ bản nhất để hành động:

Tự do báo chí

Tự do du lịch

Tự do dạy và học

Tự do hội họp (tất cả những cái này đều bị những kẻ khai hóa thuộc địa ngăn cấm chúng tôi một cách dã man” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 36).

Với niềm tin lớn lao vào tương lai xán lạn và tinh thần lạc quan cách mạng, khi kết luận bài báo, Người khẳng định sự tác động qua lại của phong trào cách mạng trên thế giới trên tinh thần quốc tế vô sản từ rất sớm: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân Châu Á

bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 35-36). Cần nhận thấy, trong phong trào cộng sản quốc tế lúc bấy giờ, nhiều người chỉ thấy được sự tác động từ phong trào công nhân chính quốc đến các nước thuộc địa chứ chưa thấy sự tác động tích cực của phong trào từ các nước thuộc địa đến các nước chính quốc. Điều này một lần nữa cho thấy tầm nhìn rộng mở, biện chứng trên tinh thần quốc tế vô sản từ rất sớm của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Tua.

Trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, trước Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày kết quả suy nghĩ cận kề của mình về học thuyết Mác, về thực tiễn các nước phương Đông, Châu Á và Việt Nam; về khả năng vận dụng chủ nghĩa cộng sản ở các nước phương Đông lạc hậu, già cỗi... Từ đó hình thành quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở nước ta sau này.

Khi nghiên cứu học thuyết Mác về vấn đề giai cấp, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước phương Đông, Châu Á và An Nam không diễn ra giống như ở các nước phương Tây. Điểm khác biệt đó

được Người chỉ rõ: “Về phía người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhẩn nhục và vô tổ chức. Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở Châu Âu và Châu Mỹ; không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ trục lợi khá giả thôi.

Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu như nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc, người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có toàrot. Người thì nhẩn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó không thể chối cãi được” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 2: 464). Do đó, vấn đề mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp diễn ra ở đây không gay gắt như ở các nước phương Tây và cần thiết phải xem xét cụ thể và cẩn trọng hơn vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp cũng như phong trào cách mạng ở đây với đặc trưng khác biệt này.

Vào thời Mác và Ăngghen, chủ nghĩa tư bản chưa phát triển thành chủ

nghĩa đế quốc, nên vấn đề dân tộc chỉ quan hệ với cuộc đấu tranh giai cấp ở một dân tộc cụ thể, do đó trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, vấn đề dân tộc thuộc địa và giải phóng các dân tộc thuộc địa chưa được đặt ra mà đến đầu thế kỷ XX, khi chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, và Lênin viết *Sơ thảo luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa*. Chính vì vậy, trên hành trình tìm đường cứu nước, khi đọc được tác phẩm này Nguyễn Ái Quốc mới thực sự tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin và Quốc tế thứ III. Trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* trước Quốc tế Cộng sản, Người đã đưa ra một luận điểm nổi tiếng về việc coi chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của cách mạng. Điều đó được Người giải thích như sau: “Chiến tranh đã làm thay đổi chủ nghĩa dân tộc:

1. Chủ nghĩa dân tộc đã hiện đại hóa khi chuyển từ giới thượng lưu này sang giới thượng lưu khác. Chính thanh niên An Nam ngày nay đang chỉ đạo nó.
2. Chủ nghĩa dân tộc ăn sâu vào quần chúng nhờ sự phát triển của các phần tử thành thị và nhất là nhờ sự tuyển mộ và trở về của “lính tình nguyện”.
3. [...]
4. Nó có xu hướng hợp pháp hóa các hình thức biểu hiện và yêu sách của nó... Trong khi lớp người già muốn độc lập ngay thì những người trẻ yêu sách những thiết chế chuẩn bị cho độc lập”.

Từ những luận điểm nêu trên, Người đưa ra *Cương lĩnh của chúng tôi* là “... phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. Khẩu hiệu này do Matxcova tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa lý gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới xoviet hóa và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 466-467).

Cuối cùng, Người chỉ ra khả năng khởi nghĩa vũ trang và sự bùng nổ phong trào cách mạng ở Đông Dương bằng lý luận thật khúc chiết:

- “1. Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu cuộc cách mạng ở Châu Âu, chứ không phải nổ ra đột ngột ở biên giới Trung Quốc, theo phương pháp của những nhà cách mạng trước đây.
2. Cuộc khởi nghĩa phải được nước Nga ủng hộ. Các xoviet sẽ cung cấp vũ khí, tiền bạc và các kỹ thuật viên, các binh sĩ, các thủy thủ bản xứ được đào tạo trước đó ở Matxcova...
3. Cuộc khởi nghĩa phải trùng hợp với cách mạng vô sản ở Pháp.

4. Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó, nhất là trong một quốc gia đế quốc chủ nghĩa (nước Đức chẳng hạn) thì đó cũng là thắng lợi cả cho người An Nam” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 468-469). Để cách mạng diễn ra thành công, Người cho rằng, cần phải “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản” (Hồ Chí Minh, 2002, tập 2: 124).

Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người đã chỉ ra cơ sở cho sự liên minh của giai cấp lao động ở chính quốc với nhân dân lao động thuộc địa, bằng việc vạch ra bản chất thâm độc của chủ nghĩa tư bản là “con đĩa có một vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một vôi bám vào giai cấp vô sản ở các nước thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi. Nếu người ta chỉ cắt một vôi thôi, thì cái vôi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vôi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra” (Hồ Chí Minh, 2002, tập 1: 298).

Trong 2 bản tham luận đọc tại *Hội nghị quốc tế nông dân và Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản*, Nguyễn Ái Quốc đều đề cập đến mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở chính

quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và vấn đề nông dân ở các nước thuộc địa.

Hơn thế, Người đã đồng dạng phê bình một số đảng cộng sản ở các nước tư bản đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa, chưa biết kết hợp phong trào cách mạng ở chính quốc và cách mạng ở các nước thuộc địa. Với nhãn quan chính trị đúng đắn và tầm nhìn toàn diện và sâu sắc về cách mạng thế giới, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: muốn giải phóng dân tộc nhất thiết phải đoàn kết với vô sản thế giới, nhất là vô sản các nước chính quốc, tư tưởng này đã vượt qua lý thuyết đại Đông Á phản động đang thịnh hành lúc đó, đồng thời tư tưởng đó cũng vượt qua chính các đảng viên trong các đảng cộng sản Tây Âu lúc đó. Vào thời điểm bấy giờ, đa số các đảng viên các đảng cộng sản Tây Âu “chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng rằng, vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh giai cấp bị áp bức ở thuộc địa” (Viện Hồ Chí Minh, 2002, tập 2: 195).

Quan điểm coi giai cấp vô sản thế giới, nhất là vô sản ở các nước chính quốc là lực lượng cốt yếu cần phải đoàn kết, đã thể hiện tầm nhìn rộng mở trên tinh thần quốc tế vô sản, khác xa cái nhìn kỳ thị, cứng nhắc khi coi những gì thuộc về nước đi xâm lược cũng là xấu xa, cần loại bỏ, mà không thấy được những nhân tố tiến bộ cần phải tận dụng, phân hóa trong đó. Khi bình luận về nội dung này Trường Chinh

(1991: 4) viết: “Các cụ thường cho rằng... làm cách mạng là chống ‘người Pháp’, chống nước Pháp mà không phân biệt được thực dân Pháp với nhân dân lao động - những người bạn của Việt Nam”. Để đảm bảo cho sự thắng lợi của phong trào nông dân ở các nước thuộc địa, hơn một lần Người đã khấn thiết kêu gọi sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản về con đường và cách thức tiến hành cách mạng một cách có tổ chức và tự giác: “Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng giải phóng” (Hồ Chí Minh, 2002, tập 10: 298). Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người nghiên cứu sâu về thực tiễn các nước phương Đông và tin tưởng vào khả năng thắng lợi của họ, ngay cả khi phải đối đầu với kẻ thù to lớn. Vào năm 1946, khi đang là thượng khách của nước Pháp, thấy nhà báo Mỹ bản khoăn về khả năng thắng lợi của Việt Nam trước Pháp, Người đã giải thích với một niềm tin và lạc quan cách mạng: “Không, nó không phải là không có hy vọng. Nó sẽ gian khổ, ác liệt, nhưng nhân dân Việt Nam sẽ chiến thắng trong cuộc chiến tranh đó. Bởi vì Việt Nam có một thứ vũ khí

cũng mạnh như loại pháo hiện đại nhất, đó là tinh thần dân tộc... Hơn nữa, Việt Nam còn có thứ vũ khí khác cũng hiệu nghiệm như cơ giới: Việt Nam có đầm lầy còn lợi hại hơn pháo chống tăng, có rừng rậm khiến máy bay không thể nhìn thấu được... Việt Nam có núi, có hang, nơi mà một người có thể chiến đấu chống trăm người... Việt Nam có hàng triệu túp lều tranh như những con ngựa thành Troia phục sẵn ở sau quân đội xâm lược... Đây sẽ là cuộc chiến tranh giữa một con hổ và một con voi. Nếu con hổ dừng lại, nó sẽ bị con voi dùng ngà đâm chết ngay. Có điều là con hổ không bao giờ dừng lại. Ban ngày nó sẽ lên vào rừng và chỉ ban đêm nó mới mò ra. Nó lao vào và xé từng mảng thịt lớn trên lưng voi; rồi nó lại lên vào rừng. Và cứ như thế, dần dần con voi sẽ chết vì mất máu và kiệt sức. Cuộc chiến Đông Dương sẽ như thế đó” (dẫn theo Trần Trọng Trung, 1979 : 117). Những cảnh báo sớm về khả năng chiến thắng của người Việt Nam đã được Hồ Chí Minh bộc lộ rất sớm với ngay nhà báo Mỹ.

Mục đích của *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* và chương trình hành động với *Cương lĩnh của chúng tôi* nêu trên là nhằm giải phóng dân tộc Việt Nam trên cơ sở phát động chủ nghĩa dân tộc, tiến hành khởi nghĩa vũ trang theo tính chất của cuộc khởi nghĩa quần chúng nổ ra ở thành phố theo kiểu cách mạng ở Châu Âu trong mối quan hệ với sự nghiệp cách

mạng chung của Quốc tế Cộng sản, có sự giúp đỡ của Nga.

Nguyễn Ái Quốc khẳng định sự đúng đắn của học thuyết Mác - Lênin, song khi tìm hiểu và vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, Người sớm nhận ra các đặc điểm ở Việt Nam và phương Đông khác biệt hẳn với phương Tây. Vì thế ngay từ năm 1924, trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* trước Quốc tế Cộng sản, Người đã phân tích các đặc điểm khác nhau, từ đó đề ra phương hướng vận dụng chủ nghĩa Mác trong hoàn cảnh mới một cách sáng tạo, linh hoạt, ở góc độ nào đó là biểu hiện của sự kiên quyết, kiên định trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Người viết: “Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung ‘cơ sở lịch sử’ của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”. Theo Nguyễn Ái Quốc “phải xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”, và khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của dân tộc” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 465-466). Nhận định đúng đắn này của Người là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn của xã hội Việt Nam và các nước Á Đông.

Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (2/9/1945), với bản *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thông điệp đến các nước: Trung Quốc, Mỹ, Liên Xô, Anh... đề nghị các chính phủ các nước này công nhận chủ quyền của

dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế (thông qua các hội nghị của Liên hiệp quốc bàn về Viễn Đông) là: “Đưa vấn đề Đông Dương ra trước tổ chức Liên hiệp quốc, chúng tôi chỉ đòi hỏi nền độc lập hoàn toàn, nền độc lập mà cho tới nay đã là một thực tế, và nó sẽ cho phép chúng tôi hợp tác với các quốc gia khác trong việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn và một nền hòa bình bền vững” (Hồ Chí Minh, 2002, tập 4: 182).

3. THAY LỜI KẾT

Trên hành trình từ Á sang Âu tìm đường cứu nước cứu dân, Nguyễn Ái Quốc luôn để lại hình ảnh một người thanh niên đầy nhiệt huyết cách mạng, tuyên truyền hết mình cho phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương nói riêng và các nước thuộc địa trên thế giới nói chung. Hoạt động lý luận và thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc cho phong trào Đông Dương thời kỳ này đã khiến cho chính quyền Pháp lo sợ. Trong bức điện ngày 24/6/1931 gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Pháp buộc phải thừa nhận: “Thực ra từ hơn mười năm nay, Nguyễn Ái Quốc là một chiến sĩ vô địch vì sự nghiệp độc lập của Đông Dương. Lúc đầu là một người dân tộc chủ nghĩa, ông ta đã sớm đi theo chủ nghĩa cộng sản và từ nhiều năm nay những người cách mạng bản xứ xem ông ta như Lenin của Đông Dương” (Bảo tàng Hồ Chí Minh, 2004: 80). Cũng thời điểm trên khi Nguyễn Ái Quốc với tên gọi là Tống Văn Sơ đang bị chính quyền Hồng Kông bắt

giữ trái phép, nhà cầm quyền Pháp vẫn đánh giá rất cao vai trò của Nguyễn Ái Quốc khi cho rằng: “sự tạm vắng mặt của ông ta trên vũ đài chính trị sẽ ngăn trở nghiêm trọng phong trào cách mạng ở Đông Dương, vì hình như không một chiến sĩ cách mạng bản xứ nào có thể thay thế được ông ta” (Bảo tàng Hồ Chí Minh, 2004: 81).

Rõ ràng, những đánh giá khách quan từ phía kẻ đối lập với Nguyễn Ái Quốc và phong trào Đông Dương thêm một lần nữa khẳng định vai trò to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào yêu nước Đông Dương nói riêng và phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa nói chung.

Chính trường thế giới bấy giờ đang diễn ra đầy rẫy sự phức tạp. Các cuộc chiến tranh đòi chia tách các quốc gia, dân tộc trên thế giới đã và đang minh chứng hùng hồn cho quan niệm coi chủ nghĩa dân tộc là động lực của lịch sử mà thiên tài Nguyễn Ái Quốc đã dự báo từ năm 1924. Ngay trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác đã yêu cầu giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc. Muốn giành thắng lợi trên toàn thế giới thì giai cấp vô sản phải chiến thắng ngay ở trong quốc gia - dân tộc mình đã rồi sau đó mới đủ sức lớn mạnh để có thể giúp đỡ giai cấp vô sản ở quốc gia khác giành thắng lợi.

Từ những phân tích trên cho thấy, Nguyễn Ái Quốc luôn luôn trăn trở vấn đề giải phóng dân tộc ở Đông Dương;

bằng lý luận về phương Đông nói chung và Đông Dương nói riêng, Người đã góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin về phong trào cách mạng, về giai cấp và đấu tranh giai cấp, thời cơ - tình thế cách mạng, tinh thần quốc tế vô sản, sự thống nhất mục tiêu dân tộc và mục tiêu quốc tế, trên tinh thần cách mạng, sáng tạo và quan điểm lịch sử - cụ thể một cách sâu sắc và toàn diện. Đó cũng là một trong những nét độc đáo trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc, tạo ra minh triết Hồ Chí Minh - thứ minh triết có thể soi rọi và dự báo tương lai không chỉ của dân tộc mà cả thời đại. Những gì mà thế giới đã đang và sẽ xảy ra từng ngày, từng giờ, từng phút sẽ kiểm nghiệm minh triết sáng rõ và đúng đắn đó của Người. Bên cạnh đó, việc khẳng định: “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của dân tộc” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 1: 466) của Nguyễn Ái Quốc, thể hiện nhãn quan chính trị sáng suốt của Người từ rất sớm, vượt xa các khuynh hướng tả-hữu hiện hành trong phong trào cộng sản quốc tế ở Liên Xô những năm 1920-1930. Những gì đã và đang diễn ra trên thế giới hiện nay, rõ nhất là ở nước Mỹ và các nước khác cho thấy xu thế một mặt thế giới hợp tác toàn cầu hóa kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ... vì lợi ích chung, mặt khác, xu thế quay lại bảo vệ lợi ích dân tộc, quốc gia cũng đang được cổ vũ ở không ít các dân tộc, quốc gia khác trên thế giới. Điều đó hoàn toàn không trái với tinh

thần của C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu trong *Tuyên ngôn Cộng sản* từ năm 1848.

Dưới sự dẫn dắt của tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi ra đời luôn thực hiện đúng tôn chỉ và mục đích của mình. Đó là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình độc lập, mang lại cơm no, áo ấm, học hành, đi lại và tự do cho người dân. Giành lấy độc lập cho dân tộc là sự

đảm bảo trước hết cho các mục đích chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đã và đang thực hiện. Với ý tưởng Việt Nam độc lập, giàu mạnh chính là sự đóng góp quốc tế to lớn. Trong tiến trình hoạt động, Đảng ta luôn nỗ lực hết mình đảm bảo cho sự đoàn kết quốc tế với các Đảng cộng sản anh em. Đó cũng là cách thực hiện ý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách hùng hồn nhất. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Báo *Cứu quốc*, số 292, ngày 15/7/1946.
2. Báo *Đông Dương*, tháng 5/1921.
3. Bảo tàng Hồ Chí Minh. Tài liệu lưu. Kho tư liệu, ký hiệu: H20C2/02.
4. Bảo tàng Hồ Chí Minh. 2004. *Vụ án Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Hồ Chí Minh. 1995. *Toàn tập* - tập 1, 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Hồ Chí Minh. 2002. *Toàn tập* - tập 2, 4, 10. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Hồng Hà. 1976. *Thời thanh niên của Bác Hồ*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
8. Phạm Xanh. 1990. *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam (1921-1930)*. Hà Nội: Nxb. Thông tin Lý luận.
9. Trần Trọng Trung. 1979. *Lịch sử một cuộc chiến tranh bất thù*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
10. Trường Chinh. 1991. *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Thông tin Lý Luận.
11. Viện Hồ Chí Minh. 2002. *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* - tập 2. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.